TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-DS	*Bến Cát, ngày 15 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 326/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng L, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Số 203/29, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2017).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Khu phố 3, phường Tân Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: 52/50, tổ 50, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D, bà S, bà H: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 23/10/2018).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 và các thửa đất 170, 171,172,173, 420, 422, 424, 460, 462, tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 12.045m^2 theo số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00357/QSDĐ/40/QĐ-UB do Uỷ ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp ngày 17/4/2000.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về đất:

- Phân chia di sản do ông Nguyễn Văn U chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 5752,3m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05345N do Uỷ ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị R ngày 14/01/2014, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị R được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp bốn kết cấu tường gạch tô xi măng, mái ngói, nền gạch tàu, cửa đi và cửa sổ bằng gỗ có diện tích 300m2; 01 căn nhà tạm (chuồng bò) kết cấu mái ngói, cột gỗ, nền đất có diện tích 40m2; 01 nhà tạm (chuồng heo) kết cấu tường gạch, mái tôn, cột gạch có diện tích 26m2; 01 căn nhà tạm (chuồng gà) kết cấu tường gạch, mái tôn, nền xi măng, cột gỗ có diện tích 4m2; 01 căn nhà cấp bốn kết cấu cột gạch, tường gạch, nền xi măng, mái tôn có diện tích 70m2, 01 giếng khoan cùng toàn bộ cây trồng gắn liền với đất và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 5129.6m2 trong đó đất thổ cư là 300m2, đất trồng cây lâu năm là 5033.9m2, đất hành lang an toàn đường bộ là 95.7m2 (Ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng gắn liền với đất và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 179,3m2 (chiều ngang 02 cạnh là 6m, chiều dài cạnh 1 là 30.08m, chiều dài cạnh 2 là 29,90m) trong đó đất trồng cây lâu năm là 170,3m2, đất hành lang an toàn đường bộ là 9m2 (Ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng gắn liền với đất và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 147m2 (chiều ngang 02 cạnh là 5m, chiều dài cạnh 1 là 29.59m, chiều dài cạnh 2 là 29,43m) trong đó đất trồng cây lâu năm là 139.5m2, đất hành lang an toàn đường bộ là 7.5m2 (Ký hiệu E trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Thanh H được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng gắn liền với đất và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 178.2m2 (chiều

ngang 02 cạnh là 6m, chiều dài cạnh 1 là 29.90m, chiều dài cạnh 2 là 29,71m) trong đó đất trồng cây lâu năm là 169.2m2, đất hành lang an toàn đường bộ là 9m2 (Ký hiệu C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng gắn liền với đất và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 118.2m2 (chiều ngang 02 cạnh là 4m, chiều dài cạnh 1 là 29.71m, chiều dài cạnh 2 là 29,59m) trong đó đất trồng cây lâu năm là 112.2m2, đất hành lang an toàn đường bộ là 6m2 (Ký hiệu D trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị Kiều T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm lập thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị Uỷ ban nhân dân thị xã B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05345N ngày 14/01/2014 đã cấp cho ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị R để cấp lại theo nội dung đã thoả thuận trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Bà Nguyễn Thị Kiều T tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 8.476.927 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 15.000.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị R phải chịu 49.004.450 đồng (bốn mươi chín triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 2.207.500 đồng (hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí và được khấu trừ vào số tiền 2.187.500 đồng (hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017114 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.809.375 đồng (một triệu tám trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí và được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017320 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà M số tiền 190.625 đồng (một trăm chín mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 2.193.750 đồng (hai triệu một trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí và được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017321 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 193.750 đồng (một trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.455.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn) tiền án phí và được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017322 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà L số tiền 545.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Phan Hồng Diễm Phúc